

Bản án số: 13/2018/HSST
Ngày 30/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn San và bà Hoàng Thị Ty

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lò Thị Thu Hà - Cán bộ Toà án.

Đại diện VKSND huyện N tham gia phiên toà: Ông Thào Lịch Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2017/TLST - HS ngày 21 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo.

1/ Họ và tên: **Quàng Văn M**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1980, Nơi ĐKKHKT : Bản A, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên; Dân tộc; Kháng; Quốc tịch; Việt Nam; Tôn giáo; Không. Đảng, đoàn thể: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; con ông: Quàng Văn S, con bà Lò Thị P; Có vợ là Lò Thị L (đã chết) và 02 con, lớn nhất 18 tuổi, nhỏ nhất 15 tuổi

Tiền án: - Năm 2000 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Năm 2003 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xử phạt 42 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam, giữ từ ngày 24/10/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ Người bị hại: Chị Lò Thị T, sinh năm 1984; Trú tại: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Sơn La, có mặt.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Hoàng Văn L; sinh năm 1985; trú tại: Bản N, xã C, huyện N, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Quàng Văn M có nhân thân xấu, đã có tiền án về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Ngày 21/10/2017 M có hành vi trộm cắp 01 chiếc nồi quân dụng bằng nhôm 60 lít có trị giá 364,000đ của gia đình chị Lò Thị T trú tại bản H, xã C, huyện Ni, nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc nồi làm bằng nhôm, 01 dây cao su, dài 2,3 mét và 01 chiếc xe máy.

Ngày 23/10/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện N ra quyết định trưng cầu định giá đối với chiếc nồi làm bằng nhôm có đường kính 48cm, cao 35cm, nồi đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL - HĐĐG ngày 25/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện N đã kết luận 01 chiếc nồi làm bằng nhôm có đường kính 48cm, cao 35cm, nồi đã qua sử dụng có giá trị là 364.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 5 giờ ngày 21/10/2017 Quàng Văn M điều khiển xe máy BKS 26H1 - 023.41 (xe mượn của Hoàng Văn L trú tại bản N, xã C, huyện N) về trung tâm huyện N. Khi đi qua nhà Lò Thị T trú tại bản H, xã C, huyện N, M nhìn thấy ngoài sân có 01 chiếc nồi quân dụng bằng nhôm 60 lít. Thấy không có người qua lại, M nảy sinh ý định trộm cắp nên lên sân nhà xách chiếc nồi xuống đường và dùng dây cao su buộc chiếc nồi lên yên xe máy rồi điều khiển xe về hướng trung tâm huyện N, mục đích M mang về sử dụng. Trên đường đi về hướng trung tâm huyện thì gặp tổ tuần tra của lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện N yêu cầu kiểm tra hành chính, M không xuất trình được giấy tờ nên tổ tuần tra lập biên bản xử lý hành chính và tạm giữ xe máy của M. Sau đó M xách chiếc nồi để ở vườn trước cửa nhà Lò Văn O, trú tại bản C, xã C rồi M đi bộ đến bản H chơi, đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì hành vi trộm cắp tài sản của M bị phát hiện.

Tại bản Cáo trạng số: 05/KSĐT - KT ngày 26/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với Quàng Văn M về tội Trộm cắp tài sản - Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Quàng Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản; Đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn M từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng. Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 và Điều 76 BLTTHS năm 1999.

Tiêu hủy 01 dây cao su màu đen, dài 2,3 mét;

Đề nghị tuyên trả lại cho chị Lò Thị T 01 chiếc nồi làm bằng nhôm có đường kính 48cm, cao 35cm, nồi đã qua sử dụng .

Trả lại cho Hoàng Văn L 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE màu sơn đỏ - đen BKS 26H1 - 023.41 xe đã qua sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ, đã đ-ợc thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa về thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc phù hợp với các căn cứ khác: Biên vi phạm hành chính và biên bản tạm giữ vật chứng. Kết luận định giá tài sản **“01 chiếc nồi làm bằng nhôm có đường kính 48cm, cao 35cm, nồi đã qua sử dụng có giá trị là 364.000đ ”**. Bị cáo khai mục đích trộm cắp để sử dụng cho bản.

Như vậy: Có đủ căn cứ kết luận: Ngày 21/10/2017 bị cáo M có hành vi trộm cắp 01 chiếc nồi quân dụng bằng nhôm 60 lít có trị giá 364,000đ của gia đình chị Lò Thị T trú tại bản Hát H, xã C, huyện N, nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo Quàng Văn M đã phạm tội Trộm cắp tài sản - Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999;

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương; bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu để chiếm đoạt, bị phát giác buộc bị cáo phải thừa nhận hành vi phạm tội, trước đó bị cáo có 04 tiền án đều về tội trộm cắp tài sản, nên có đủ năng lực trách nhiệm hình sự do đó phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Do vậy cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm này nói chung.

Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có 04 tiền án:

Ngày 28/7/2000 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Ngày 17/3/2003 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Ngày 25/3/2008 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Ngày 24/3/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xử phạt 42 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 64 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì tiền án trên chưa đủ điều kiện để xóa án tích. Lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, trở thành công tốt cho gia đình và xã hội. Ngày 12/5/2017 khi chấp hành xong án phạt tù bị cáo M không về địa phương mà đến tạm trú tại bản G, xã C, huyện N và đến ngày 21/10/2017 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình chị Lò Thị T ở bản H, xã C, huyện N. Như vậy; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm (do cố ý) theo quy định tại khoản 1 Điều 49 của bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS năm 1999 cơ quan Công an đã xác minh bị cáo hiện nay đang sống phụ thuộc vào gia đình, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Chiếc nồi quân dụng mà bị cáo Quàng Văn M để ở vườn trước cửa nhà Lò Văn Ổ, anh Ổ không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe máy BKS 26H1 - 023.41 mà bị cáo Quàng Văn M dùng để chở chiếc nồi trộm cắp được. Qua xác minh chủ sở hữu chiếc xe máy nêu trên là của Hoàng Văn L, sinh năm 1985, trú tại bản N, xã C, huyện N, tỉnh Sơn La. Bị cáo M nói là mượn đi chở hàng nên L đồng ý, việc bị cáo M dùng làm phương tiện phạm tội (trộm cắp tài sản), Hoàng Văn L không biết. Nên cần trả lại chiếc xe máy nêu trên cho sở hữu chủ là Hoàng Văn L.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 chiếc nồi làm bằng nhôm có đường kính 48cm, cao 35cm, mà bị cáo Món chiếm đoạt là thuộc quyền sở hữu của chị Lò Thị T, sinh năm 1984, trú tại bản H, xã C, huyện N, tỉnh Sơn La. Nên cần trả cho chị Lò Thị T là chủ sở hữu để quản lý sử dụng, người bị hại không có yêu cầu gì về dân sự; cần chấp nhận.

Tiêu hủy 01 dây cao su màu đen, dài 2,3 mét, tiết diện 0,5cm x 0,6cm được buộc nối từ 03 đoạn dây cao su khác nhau.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Quàng Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn M 12 (mười hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, giữ ngày 24/10/2017.

Miễn phạt tiền đối với bị cáo

2/ Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999;

Tuyên trả:

- 01 chiếc nồi làm bằng kim loại (nhôm) đường kính 48cm, cao 35cm (đã qua sử dụng) cho chị Lò Thị T là chủ sở hữu để quản lý sử dụng, người bị hại không có yêu cầu gì khác về dân sự.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen BKS26H1 - 023.41 ; số máy 5019925, số khung 020848 xe cũ đã qua sử dụng cho Hoàng Văn L quản lý, sử dụng.

Tiêu hủy 01 dây cao su màu đen, dài 2,3 mét, tiết diện 0,5cm x 0,6cm được buộc nối từ 03 đoạn dây cao su khác nhau.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1999 (Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015); Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - bị cáo Quảng Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30/01/2018./.

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/01/2018)./.

Nơi nhận:

- TA ND Tỉnh
- VKSND (02)
- Công an (02)
- THA hình sự
- THA dân sự
- UBND xã Rạng Đông, Tuần Giáo
- Bị cáo
- L- u án văn
- L- u hồ sơ.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Văn Hoàng

